

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 9- 2019

V/v: tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Việt

2. Ông Ngô Văn Lầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 843/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà M. Hộ khẩu thường trú: tỉnh D. Địa chỉ liên lạc: thành phố D1. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông N. Nơi cư trú cuối cùng: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2019, đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà M trình bày: Bà M và ông N kết hôn với nhau vào năm 2010, hai người có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn, được UBND xã B1, huyện A1, tỉnh D cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/4/2010. Hôn nhân của hai người là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Sau khi kết hôn thì bà về sống cùng ông N tại nhà của ông N ở ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian chung sống, hai người xảy ra nhiều mâu thuẫn vì tính tình, quan điểm, lối sống không phù hợp.

Năm 2012 ông N làm thủ tục xuất cảnh, đi du lịch sang Đài Loan. Ông N nói với bà là đi du lịch 01 tháng rồi về nhưng không biết lý do gì. ông N đi luôn cho đến nay.

Từ khi ông N đi Đài Loan cho đến nay thì không về Việt Nam ngày nào, ông N có gọi điện cho bà được vài lần nhưng khi bà xin địa chỉ của ông N ở Đài Loan thì ông N không cung cấp.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế hai người đã sống xa nhau từ năm 2012 cho đến nay, giữa hai người không có cơ hội hay điều kiện để hàn gắn tình cảm, bà đã một mình nuôi con, ông N không có trợ cấp hay giúp đỡ bà. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 01 con chung là cháu MN, sinh ngày 30/6/2011, hiện nay đang sống cùng với bà. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng cháu MN đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Về trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: không yêu cầu

Đối với ông N đã được Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đến nay ông N không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn M yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông N; về con chung: yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên MN đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết; Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông N.

[3] Ngày 08/6/2019, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Bà M kết hôn với ông N có đăng ký kết hôn tại UBND xã B1, huyện A1, tỉnh D cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 46 ngày 07/10/2010, nên mối quan hệ hôn nhân giữa bà M với ông N là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà M xin được ly hôn với ông N, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà M kết hôn với ông N và về sống cùng ông N. Trong thời gian chung sống, hai người xảy ra nhiều mâu thuẫn vì tính tình, quan điểm, lối sống không phù hợp. Năm 2012 ông N làm thủ tục xuất cảnh, đi du lịch sang Đài Loan. Ông N nói với bà là đi du lịch 01 tháng rồi về nhưng không biết lý do gì ông N đi luôn cho đến nay. Từ khi ông N đi Đài Loan cho đến nay thì không về Việt Nam ngày nào, ông N có gọi điện cho bà được vài lần nhưng khi bà xin địa chỉ của ông N ở Đài Loan thì ông N không cung cấp. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế hai người đã sống xa nhau từ năm 2012 cho đến nay, giữa hai người không có cơ hội hay điều kiện để hàn gắn tình cảm. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N. Xét thấy, vợ chồng ông N và bà M đã sống xa nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do đó, bà M xin được ly hôn với ông N là có cơ sở. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông N.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên MN, sinh ngày 30/6/2011, hiện nay đang sống cùng với bà. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng cháu MN đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà M thấy rằng sau khi vợ chồng không còn sống chung thì bà M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu MN, ông N từ khi đi nước ngoài thì không có liên lạc cũng như không về Việt Nam để thăm con, trong thời gian cháu MN ở với mẹ thì vẫn được chăm sóc tốt, đồng thời theo ý kiến của cháu MN thì sau khi cha mẹ ly hôn cháu MN có nguyện vọng được ở với mẹ nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông N không cấp dưỡng nuôi con

[4] Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. bà M phải chịu là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123; khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà M được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Giao cháu MN, sinh ngày 30/6/2011 cho bà M trực tiếp, ông N không cấp dưỡng nuôi con. Ông N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Bà M phải chịu là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006601 ngày 24/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng bà M đã nộp xong án phí.

Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Thị Thanh Thúy